

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT THÀNH ĐẠT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT THÀNH ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH DAT CONSULTING TRADING TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THANHDAT LMT CORP

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107354629

**3. Ngày thành lập:** 14/03/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 15B4, ngách 91/1, ngõ 91, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904196677

Fax:

Email: [mr.trongphat1604@gmail.com](mailto:mr.trongphat1604@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2592     |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4662     |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Bán buôn hàng công nghệ phẩm, cơ khí điện máy; trang thiết bị và dụng cụ bảo hộ lao động; trang thiết bị và dụng cụ phòng cháy - chữa cháy.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4669     |
| 5.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4741     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4742        |
| 7.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4100        |
| 8.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4210        |
| 9.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết:<br>- Làm sạch mặt bằng xây dựng ;<br>- Vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn...<br>- Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: Chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí ;<br>- Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự ;<br>- Hệ thống cấp thoát nước tại mặt bằng xây dựng ;<br>- Hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp ; | 4312        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 11. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4511        |
| 12. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4512        |
| 13. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4513        |
| 14. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4520        |
| 15. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4530        |
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>Đại lý thiết bị vật tư ngành nước, hàng điện máy, hàng công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4610        |
| 17. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4651        |
| 18. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(trừ thiết bị thu phát sóng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4652        |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4653        |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện )<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br><br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                                                                     | 4659(Chính) |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                                                                                                                                               | 6619 |
| 23. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7020 |
| 24. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đấu thầu<br>(Không bao gồm xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong xây dựng)<br>Dịch vụ lập dự án đầu tư xây dựng công trình<br>Dịch vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình | 7110 |
| 25. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội thất;                                                                                                                                                                                                                               | 7410 |
| 26. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ;                                                                                                                                                                            | 7490 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.500.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN TRỌNG PHÁT    | Thôn Hoàng Lộc, Xã Hoàng Phúc, Huyện Hoàng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam             | 2.250.000.000         | 50,000    | 172747639                                                                                                                                         |         |
| 2   | HOÀNG THỊ PHƯƠNG ANH | Số 19, Khu 3, Thị trấn Liễu Đề, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam            | 2.250.000.000         | 50,000    | 162761175                                                                                                                                         |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN TRỌNG PHÁT

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng thành viên*

Sinh ngày: *16/04/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *172747639*

Ngày cấp: *05/07/2006*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Thanh Hóa*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Hoằng Lộc, Xã Hoằng Phúc, Huyện Hoằng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 319 Cầu thang 8 CT5 KĐT Mỹ Đình Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*